

Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG

Bài 1: Cho tam giác ABC có diện tích 150cm^2 . M là trung điểm của BC, N là trung điểm của AC. Nối MN. Tính diện tích tam giác CMN ?

à 1. Cho tam giác ABC, đường cao AH (H thuộc cạnh BC), $BC = 12\text{cm}$, diện tích bằng 60cm^2 . a) Tính AH.

b) Trên cạnh BC kéo dài lấy điểm D sao cho $CD = 4\text{cm}$. Tính diện tích tam giác ACD.

Bài 2. Cho tam giác ABC, cạnh $BC = 16\text{cm}$. Nếu kéo dài cạnh BC về phía C một đoạn sao cho $CD = 4\text{cm}$ thì được tam giác ABD có diện tích lớn hơn diện tích tam giác ABC là 20cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC.

Bài 3. Cho tam giác ABC vuông tại A, $AB = 30\text{cm}$, $AC = 40\text{cm}$. Trên cạnh AC lấy điểm D sao cho $AD = 10\text{cm}$. Từ D kẻ đường thẳng song song với AB cắt BC tại E. Tính độ dài đoạn thẳng DE.

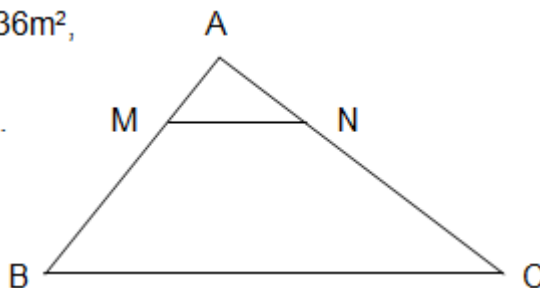
Bài 4. Cho tam giác ABC. Trên cạnh BC lấy điểm D sao cho $BD = \frac{BC}{3}$. Trên đoạn AD lấy điểm M sao cho $AM = MD$. So sánh diện tích các tam giác ABD, DCM và ACM.

Bài 5. Cho tam giác ABC. Trên cạnh AB lấy điểm M sao cho $AM = 2BM$; trên cạnh AC lấy điểm N sao cho $AN = 2CN$. Nối B với N, nối C với M. Gọi O là giao điểm của BN và CM. Hãy so sánh diện tích của hai tam giác BOM và CON.

Bài 6. Cho tam giác ABC có diện tích 36m^2 ,

$$AM = \frac{1}{3}AB, AN = \frac{1}{3}AC \text{ (như hình vẽ)}.$$

Tính diện tích tứ giác BMNC?

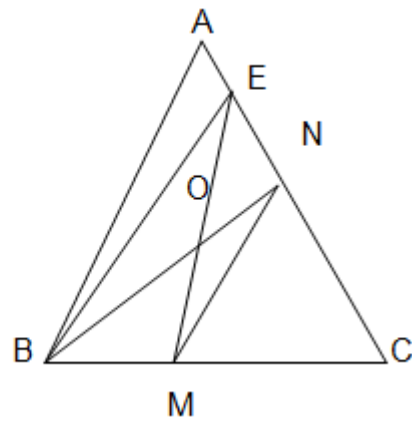


Bài 7. Cho hình tam giác ABC có điểm M là điểm chính giữa cạnh BC. Trên cạnh AC lấy điểm N sao cho $AN = \frac{1}{3}AC$. Hai đoạn thẳng AM và BN cắt nhau tại O. Nối N với M.

a) So sánh diện tích các hình tam giác ABN, BMN và CMN.

b) Chứng minh: $OA = OM$.

Bài 8. Cho hình tam giác ABC có điểm N là điểm chính giữa cạnh AC, trên hình đó có hình thang BMNE như hình vẽ bên. Nối B với N, nối E với M, hai đoạn thẳng này gặp nhau ở điểm O.



- So sánh diện tích hai hình tam giác OBM và OEN.
- So sánh diện tích hình tam giác EMC với diện tích hình AEMB.

Bài 9. Cho tam giác ABC. Gọi D là điểm chính giữa đoạn BC. Lấy điểm E trên cạnh AC sao cho $AE = \frac{1}{5} \times AC$. Nối DE kéo dài cắt đường thẳng AB tại M; nối M với C. Biết diện tích tam giác AME bằng 20cm^2 . Hãy tính:

- Diện tích tam giác MEC.
- Diện tích tam giác ABC.

Bài 10. Cho tam giác ABC. M là điểm chính giữa cạnh BC, N là điểm chính giữa cạnh AC. AM và AN cắt nhau tại G.

- So sánh diện tích các tam giác BGM, CGM, AGN, CGN.
- Nối C với G và kéo dài CG cắt cạnh AB tại P. Chứng minh $AP = BP$.

Cho tam giác ABC. Kéo dài BC thêm một đoạn $CD = BC \times 2$. Nối A với D. So sánh diện tích

2 tam giác ADB và ABC. Nhận xét : Hai tam giác ADB và ABC có chung chiều c

Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG – BUỔI 1

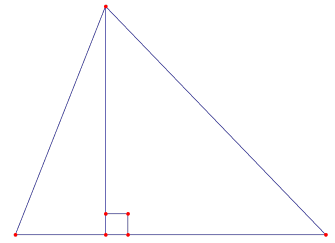
A. KIẾN THỨC CẦN LƯU Ý

I. HÌNH TAM GIÁC

1. Hình tam giác ABC có, ba cạnh là: AB, AC và BC; Ba đỉnh là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C và ba góc là: góc A, góc B, góc C.

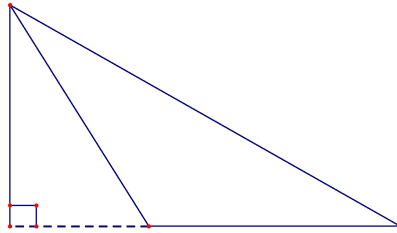
2. Với mỗi cạnh của tam giác đều có thể lấy làm cạnh đáy của hình tam giác. Từ đó ứng với mỗi cạnh đáy của tam giác, ta đều có thể kẻ được một đường cao tương ứng.

- Đường cao của tam giác là đoạn thẳng kẻ từ đỉnh và vuông góc với đáy. Độ dài của đường cao là chiều cao của tam giác.



* *Chú ý:*

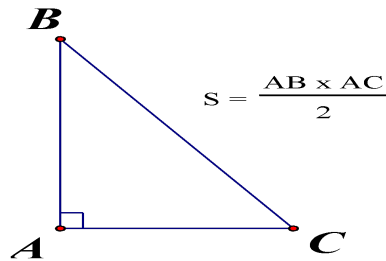
- Khi vẽ đường cao phải có kí hiệu góc vuông ở chỗ giáp với cạnh đáy
- Có đường cao nằm *bên trong* tam giác (như hình trên)
- Có đường cao nằm *bên ngoài* tam giác (như hình dưới đây)



3. Công thức tính diện tích Diện tích và Chu vi:

$$S = \frac{a \times h}{2} ; \quad \text{Chu vi } P = \text{Tổng độ dài 3 cạnh}$$

4. Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông, diện tích tam giác vuông bằng một nửa tích của hai cạnh góc vuông (Hình vẽ).



B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

I. Các bài tập cơ bản

Bài 1. Tính diện tích hình tam giác có :

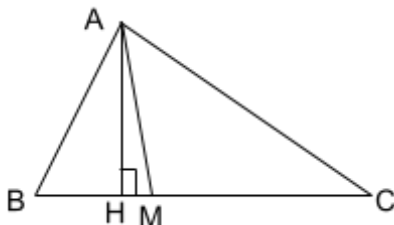
a) Độ dài đáy là 2,3dm và chiều cao là 1,2dm

b) Độ dài đáy là 5m và chiều cao là 24dm

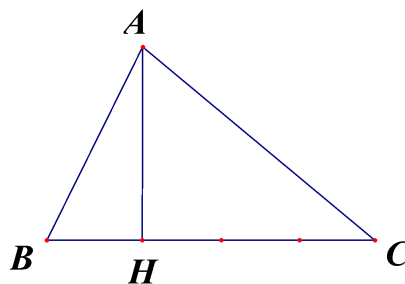
Bài 2. Một lăng tẩm hình tam giác có diện tích 129m², chiều cao 24m. Hỏi cạnh đáy của tam giác đó là bao nhiêu?

Bài 3. Một khu vườn hình tam giác có diện tích 384m^2 , đáy bằng 32m . Hỏi chiều cao của tam giác đó là bao nhiêu?

Bài 4. Cho hình tam giác ABC có chiều cao $AH = 2,7\text{cm}$ và $BM = \frac{1}{3} BC$. Biết $BM = 2\text{cm}$, tính diện tích các hình tam giác ABM và AMC.



Bài 5. Cho tam giác ABC có đường cao AH bằng 4cm , $HB = \frac{1}{3} HC$. Tính diện tích tam giác ABC, biết tam giác AHB có diện tích 6cm^2 .



Bài 6. Một thửa đất hình tam giác có chiều cao là 10 m . Hỏi nếu kéo dài đáy thêm 4 m thì diện tích sẽ tăng thêm bao nhiêu m^2 ?

Bài 7. Một hình tam giác có cạnh đáy bằng $\frac{7}{4}$ chiều cao tương ứng. Nếu kéo dài cạnh đáy đó thêm 5m thì diện tích của hình tam giác tăng thêm 30m^2 . Tính diện tích hình tam giác đó

*** Bài tập về nhà:**

Bài 1. Tính diện tích hình tam giác có :

a) Độ dài đáy là $42,5\text{m}$ và chiều cao là $5,2\text{m}$

b) Độ dài đáy là 16dm và chiều cao là $5,3\text{m}$

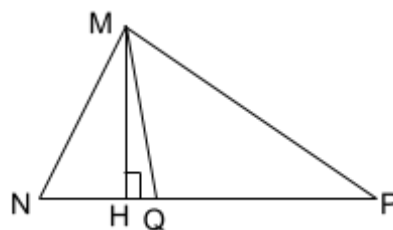
Bài 2. Hình tam giác MNP có chiều cao $MH = 25\text{cm}$ và có diện tích là 2dm^2 . Tính độ dài đáy NP của hình tam giác đó ?

Bài 3. Hình tam giác MNP có chiều cao $MH = 25\text{cm}$ và có diện tích là 200cm^2 . Tính độ dài đáy NP của hình tam giác đó.

Bài 4. Một cái sân hình tam giác có cạnh đáy là 36m và gấp 3 lần chiều cao. Tính diện tích cái sân hình tam giác đó ?

Bài 5. Biết rằng diện tích tam giác ABC bằng diện tích hình vuông có độ dài cạnh 15 cm , cạnh đáy $BC = 40\text{cm}$. Hãy tính chiều cao AH của tam giác ABC.

Bài 6. Cho hình tam giác MNP có chiều cao $MH = 2,5\text{cm}$ và $NQ = \frac{1}{2} QP$. Biết $NQ = 1,2\text{cm}$, tính diện tích các hình tam giác MQP và MNP.



Bài 6. Một miếng đất hình tam giác có cạnh đáy bằng 32 m , người ta mở rộng miếng đất ấy bằng cách kéo dài cạnh đáy thêm 4m thì được một miếng đất mới cũng có hình tam giác và diện tích lúc sau hơn diện tích ban đầu là 54m^2 . Tìm diện tích miếng đất lúc chưa mở rộng.

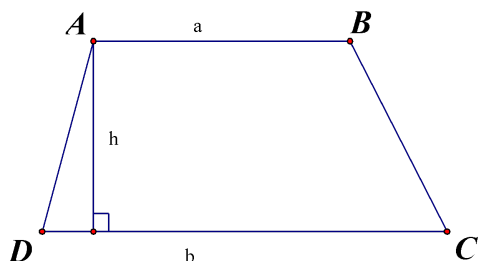
Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG – BUỔI 2

II. HÌNH THANG

1. Hình thang là hình có một cặp cạnh đối diện song song (Hình vẽ: AB song song với CD)

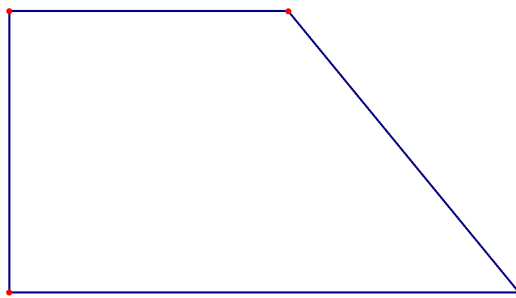


Trong đó:

- Hai cạnh song song gọi là 2 cạnh đáy, gồm Đáy lớn và Đáy bé
 - Hai cạnh còn lại gọi là 2 cạnh bên
 - Đoạn thẳng giữa 2 đáy và vuông góc với với 2 đáy gọi là đường cao của hình thang
- * *Chú ý*: Trong hình thang ABCD ta có thể kẻ được nhiều đường cao, nhưng mọi đường cao trong hình thang ABCD đều bằng nhau

2. Diện tích hình thang $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$; Chiều cao hình thang $h = \frac{S \times 2}{(a+b)}$ (a và b là độ dài 2 đáy)

3. Hình thang vuông: Là hình thang có 2 góc vuông (Hình vẽ)



B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

I. Các bài tập cơ bản

Bài 1: Tính diện tích hình thang biết:

a) Độ dài đáy lần lượt là 9,4m và 6,6m; chiều cao là 10,5m

b) Độ dài đáy là $\frac{2}{3}m$; $\frac{1}{2}m$ và chiều cao là $\frac{9}{4}m$

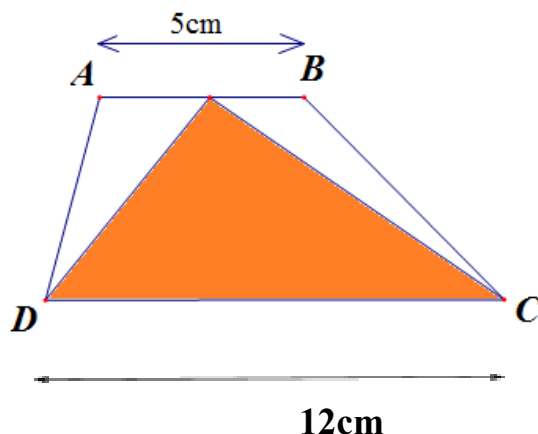
Bài 2: Hình thang có tổng độ dài hai đáy bằng 24 cm, đáy lớn hơn đáy bé 1,2 cm, chiều cao kém đáy bé 2,4 cm. Tính diện tích hình thang.

Bài 3: a) Tính chiều cao hình thang có diện tích 30cm²; đáy lớn 8cm và đáy bé 0,4dm.

b) Tính tổng hai đáy hình thang có diện tích 3,6 dam²; chiều cao 1,2dam.

Bài 4. Một hình thang có hiệu của đáy lớn và đáy bé bằng 21cm, đáy bé bằng $\frac{4}{7}$ đáy lớn, chiều cao bằng $\frac{1}{2}$ đáy bé. Hãy tìm diện tích của hình thang nói trên.

Bài 5. Một tấm bìa hình thang ABCD có kích thước như hình vẽ dưới đây. Biết diện tích phần in đậm là 36cm^2 . Tính diện tích hình thang ABCD



Bài 6. Một hình thang có diện tích 480m^2 và đáy lớn hơn đáy bé là 12m. Tăng đáy lớn 2,5m thì diện tích hình thang tăng 15m^2 . Tính độ dài mỗi đáy của hình thang.

Bài 7. Một miếng đất hình thang có diện tích 864m^2 , đáy lớn hơn đáy bé 12m. Người ta mở rộng miếng đất bằng cách tăng đáy lớn thêm 5m thì được miếng đất hình thang mới có diện tích bằng 924m^2 . Tìm độ dài đáy lớn, đáy bé của miếng đất hình thang lúc chưa mở rộng.

*** Bài tập về nhà:**

Bài 1: Tính diện tích hình thang có :

- a). Đáy lớn 1,9m; đáy bé 1,3m; chiều cao 0,9m.
- b). Đáy lớn $\frac{2}{3}\text{m}$; đáy bé $\frac{1}{2}\text{m}$; chiều cao $\frac{3}{5}\text{m}$.

Bài 2: a) Tính chiều cao hình thang có diện tích $6,4\text{dm}^2$; đáy lớn 1,8dm; đáy bé 1,4dm.

b) Tính tổng hai đáy hình thang có diện tích 2400cm^2 ; chiều cao 3,2dm.

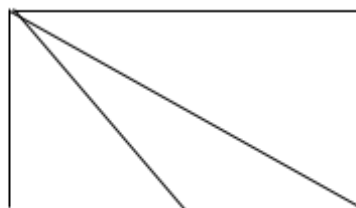
Bài 3: Tính diện tích hình thang có chiều cao bằng 4 dm, đáy bé bằng 80% chiều cao và kém đáy lớn là 1,2 dm.

Bài 4: Cho hình thang ABCD, hai đáy AB, CD và AB nhỏ hơn CD là 7,5 cm; đường cao 3,6cm; diện tích 29,34 cm². Tính độ dài mỗi đáy của hình thang

Bài 5: Cho hình thang ABCD có tổng hai đáy bằng 50cm. Tính diện tích của hình thang biết nếu đáy lớn được tăng thêm 5cm thì diện tích hình thang sẽ tăng thêm 20cm².

Bài 6: Cho hình chữ nhật ABCD có AB = 50cm, BC = 28cm. Điểm E là trung điểm (điểm chính giữa) của cạnh CD. Tính:

- a) Diện tích tam giác AEC;
- b) Diện tích hình tứ giác ABCE.



Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG – BUỔI 3

II. Tỉ số diện tích của các tam giác chung đáy, chung chiều cao

*** Ghi nhớ:**

- Với 2 tam giác có chung đáy hoặc đáy bằng nhau, tỉ số diện tích bằng tỉ số các chiều cao tương ứng
- Với 2 tam giác có chung chiều cao hoặc chiều cao bằng nhau, thì tỉ số diện tích bằng tỉ số các đáy tương ứng
- Trong hình thang ABCD ta có thể kẻ được nhiều đường cao, nhưng mọi đường cao trong hình thang ABCD đều bằng nhau

*** Bài tập cơ bản**

Bài 1. Cho tam giác ABC. Trên AC lấy điểm N sao cho $AN = \frac{2}{3} NC$. Biết diện tích tam giác ABC bằng 200 cm². Tính S.ABN và S.BCN

Bài 2. Cho tam giác ABC có diện tích bằng 12 cm². Lấy điểm M trên cạnh BC. Biết S.ABM = 8cm² và BC = 25cm. Tính độ dài BM và MC

Bài 3. Cho tam giác ABC. Gọi M là trung điểm BC. Lấy điểm N trên cạnh AM sao cho $AN = \frac{1}{3} AM$. Biết $S_{ABN} = 2 \text{ cm}^2$. Tính S_{ABC}

Bài 4. Cho tam giác ABC. Trên AC lấy điểm N sao cho $AN = \frac{2}{3} NC$. Trên cạnh BN lấy điểm M sao cho BN gấp 3 lần BM. Biết diện tích tam giác ABC bằng 210 cm^2 . Tính S_{ABM} và S_{BCM}

Bài 5. Cho tam giác EDC. Trên EC lấy điểm N sao cho $EN = \frac{2}{3} EC$. Nối D với N, trên DN lấy M sao cho $MN = \frac{3}{4} DN$. Biết $S_{EMN} = 2,7 \text{ cm}^2$. Tính diện tích tam giác EDC

Bài 6. Cho tam giác ABC có diện tích 150 cm^2 . M là trung điểm của BC, N là trung điểm của AC. Nối MN. Tính diện tích tam giác CMN ?

*** Bài tập về nhà:**

Bài 7. Cho tam giác ABC, M trên cạnh BC sao cho $2 \times MB = MC$. Tính diện tích tam giác MAB biết diện tích tam giác ABC bằng 30 cm^2

Bài 8. Cho tam giác ABC, M trên cạnh BC sao cho $MB = 4 \times MC$ và diện tích tam giác MAC bằng 20 cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC.

Bài 9. Cho tam giác ABC có diện tích 270 cm^2 . Trên AC lấy điểm M sao cho $AM = \frac{1}{4} AC$. Nối BM và lấy E trên BM sao cho $EE = \frac{1}{4} BM$. Tính diện tích các tam giác ABM và CEM.

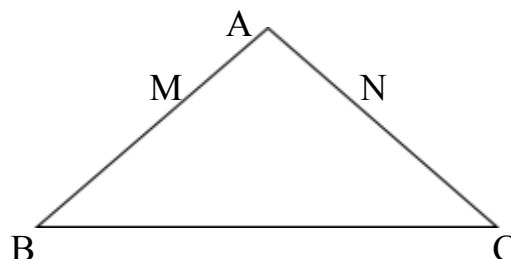
Bài 10. Cho tam giác MNP, E trên cạnh MN sao cho $EM = \frac{1}{2} EN$. Nối P với E, trên EP lấy điểm I sao cho $IE = \frac{1}{2} EP$. Biết diện tích tam giác IME bằng 4 cm^2 . Tính S_{MNP}

Bài 11. Cho tam giác ABC. Kéo dài BC thêm một đoạn $CD = \frac{1}{2} BC$. Trên AD lấy điểm E sao cho $ED = \frac{1}{4} AD$. Tính diện tích tam giác ABC, biết diện tích tam giác CDE bằng $2,5 \text{ cm}^2$.

Bài 12. Cho tam giác ABC có diện tích 36 cm^2

$AM = \frac{1}{3} AB$; $AN = \frac{1}{3} AC$ (như hình vẽ).

Tính diện tích tứ giác BMNC.



Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG – BUỔI 4

Bài 1. Cho tam giác ABC có diện tích $20,25\text{dm}^2$. Lấy M là trung điểm cạnh BC. Lấy điểm N trên AM sao cho $AN = \frac{1}{3} AM$. Tính S.AMC và S.BMN.

Bài 2. Cho hình tam giác ABC. Trên cạnh BC lấy điểm D sao cho $BD = \frac{1}{3} BC$. Trên cạnh AC lấy điểm E sao cho $AE = \frac{3}{4} AC$. Nối D với E, trên DE lấy trung điểm G. Biết $S.AGE = 12\text{cm}^2$. Tính S.ABC

Bài 3. Cho tam giác ABC. Lấy điểm M là trung điểm của AB, điểm N trên AC sao cho $AC = 3 \times AN$

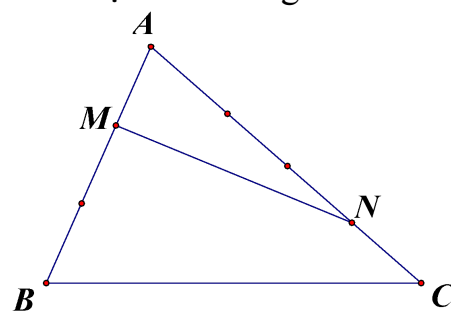
a) Tính tỉ số diện tích 2 tam giác AMN và ABN.

b) Tính tỉ số diện tích 2 tam giác AMN và ABC

Bài 4. Cho tam giác ABC. Gọi M là điểm trên AB sao cho $AB = 4 \times AM$ và N là điểm trên AC sao cho $AN = \frac{2}{3} AC$. Tính tỉ số diện tích tam giác AMN và diện tích tam giác ABC

Bài 5. Cho hình vẽ. Biết $AM = \frac{1}{3} AB$, $AN = \frac{3}{4} AC$

Biết $S.ABC = 180\text{cm}^2$. Tính S.AMN



* Bài tập về nhà

Bài 1. Cho tam giác ABC có diện tích bằng 210cm^2 . Lấy điểm K trên cạnh BC sao cho

$BK = \frac{2}{5} BC$. Trên AK lấy điểm E sao cho $AE = \frac{1}{2} AK$. Tính diện tích tam giác BEK

Bài 2. Cho tam giác ABC. Trên BC lấy điểm D sao cho $BD = \frac{1}{3} BC$. Nối A với D, trên

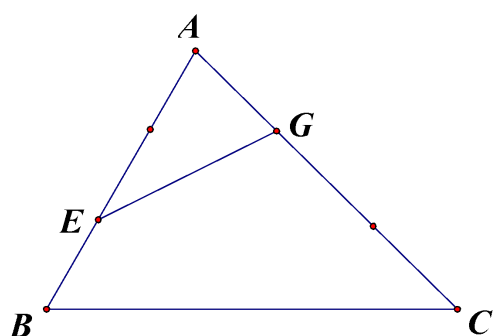
AD lấy điểm K sao cho $AK = \frac{1}{3} AD$. Tính diện tích hình tam giác ABC, biết diện tích tam giác BDK là $12,3\text{cm}^2$

Bài 3. Cho tam giác ABC . Trên BC lấy M sao cho $BM = \frac{1}{4} BC$, nối A với M, trên AM lấy N sao cho $NM = \frac{1}{3} AM$. Nối B với N, biết diện tích tam giác BMN bằng 4cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC

Bài 4. Cho hình vẽ. Biết $AE = \frac{2}{3} AB, AG = \frac{1}{3} AC$

a) Tính tỉ số diện tích 2 tam giác AEG và ABC

b) Biết diện tích tam giác ABC bằng 60cm^2 . Tính diện tích tứ giác EGCB



Bài 5. Cho tam giác ABC. Lấy điểm M trên cạnh AC sao cho $AM = \frac{2}{3} AC$, lấy điểm N trên cạnh BC sao cho $BN = \frac{1}{4} BC$.

a) Tính tỉ số diện tích 2 tam giác CMN và CAN.

b) Tính tỉ số diện tích 2 tam giác BMN và ABC

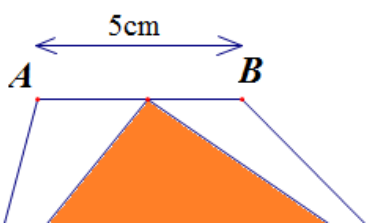
c) Biết diện tích tam giác ABC bằng 480cm^2 . Hãy tính diện tích tam giác AMN.

Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG – BUỔI 5

Bài 1. Một tấm bìa hình thang ABCD có kích thước như hình vẽ dưới đây. Biết diện tích phần in đậm là 36cm^2 . Tính diện tích hình thang ABCD



Giáo viên:



12cm

Bài 2. Một hình thang có diện tích 480m^2 và đáy lớn hơn đáy bé là 12m. Tăng đáy lớn 2,5m thì diện tích hình thang tăng 15m^2 . Tính độ dài mỗi đáy của hình thang.

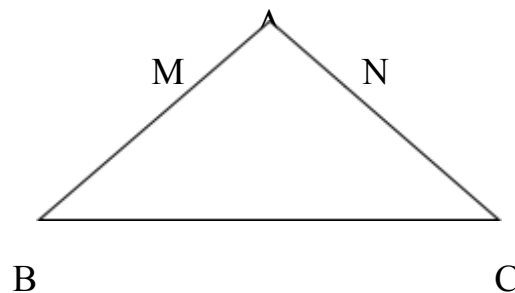
Bài 3. Một thửa ruộng hình thang có diện tích là 1155m^2 và có đáy bé kém đáy lớn là 33m. Người ta kéo dài đáy bé thêm 20m và kéo dài đáy lớn thêm 5m về cùng một phía để được hình thang mới. Diện tích hình thang mới này bằng diện tích của một hình chữ nhật có chiều rộng là 30m và chiều dài là 51m. Hãy tính đáy bé, đáy lớn của thửa ruộng ban đầu.

Bài 4. Cho hình tam giác ABC. Trên cạnh AB ta lấy điểm E sao cho BE gấp đôi AE; trên cạnh AC ta lấy điểm D sao cho CD gấp đôi AD. Nối E với D ta được hình tam giác AED có diện tích 5cm^2 . Hãy tính diện tích hình tứ giác BCDE

Bài 5. Cho tam giác EDC. Trên EC lấy điểm N sao cho $EN = \frac{2}{3} EC$. Nối D với N, trên DN lấy M sao cho $MN = \frac{3}{4} DN$. Biết $S_{EMN} = 2,7\text{cm}^2$. Tính diện tích tam giác EDC

Bài 6. Cho tam giác ABC có diện tích 36cm^2
 $AM = \frac{1}{3} AB$; $AN = \frac{1}{3} AC$ (như hình vẽ).

Tính diện tích tứ giác BMNC.

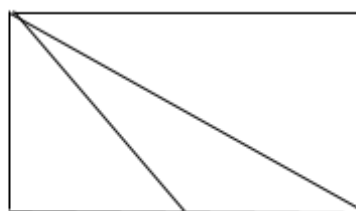


*** Bài tập về nhà:**

Bài 6: Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 50\text{cm}$, $BC = 28\text{cm}$. Điểm E là trung điểm (điểm chính giữa) của cạnh CD. Tính:

a) Diện tích tam giác AEC;

b) Diện tích hình tứ giác ABCE.



Bài 7. Cho tam giác ABC . Trên BC lấy điểm D sao cho $BD = \frac{1}{2} DC$. Nối A với D, trên AD lấy điểm M sao cho $MA = MD$. Tính diện tích tam giác ABC, biết diện tích tam giác DCM bằng $3,5\text{cm}^2$.

Bài 8. Một hình thang vuông có đáy bé bằng $\frac{3}{5}$ đáy lớn . Nếu kéo dài đáy bé thêm 16mm nữa thì sẽ thành hình chữ nhật. Vì vậy diện tích tăng thêm 240cm^2 . Tính diện tích hình thang vuông lúc đầu?

Bài 9. Một miếng đất hình thang có diện tích 864m^2 , đáy lớn hơn đáy bé 12m. Người ta mở rộng miếng đất bằng cách tăng đáy lớn thêm 5m thì được miếng đất hình thang mới có diện tích bằng 924m^2 . Tìm độ dài đáy lớn, đáy bé của miếng đất hình thang lúc chưa mở rộng

Bài 10. Cho tam giác ABC có diện tích 48cm^2 , trên AC lấy điểm M sao cho $AM = \frac{2}{3} AC$, trên BM lấy điểm I sao cho $IM = \frac{1}{4} BM$. Tính diện tích tam giác IMC.

Bài 11. Cho tam giác ABC có diện tích 45cm^2 . Trên AC lấy điểm I sao cho $CI = \frac{2}{3} AC$, trên BC lấy điểm M sao cho $CM = \frac{1}{2} BM$. Tính diện tích hình tứ giác AIMB.

Họ và tên học sinh:

CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5

ÔN TẬP DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG

Bài 1: Cho tam giác ABC có diện tích 150 cm^2 . M là trung điểm của BC, N là trung điểm của AC. Nối MN. Tính diện tích tam giác CMN ?

Bài 2: Một hình tam giác có cạnh đáy bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao. Nếu kéo dài cạnh đáy thêm 30dm thì diện tích của hình tam giác tăng thêm 27dm^2 . Tính diện tích hình tam giác đó ?

Bài 3: Thửa ruộng hình thang có trung bình cộng hai đáy là 46 m. Nếu mở rộng đáy lớn thêm 12 m và giữ nguyên đáy bé thì thửa ruộng mới có diện tích lớn hơn diện tích thửa ruộng ban đầu là 114 m^2 . Tính diện tích thửa ruộng ban đầu.

Bài 4: Cho hình thang ABCD; đáy AB nhỏ hơn CD là 7,5cm, đường cao 3,6cm, diện tích 29,34.

a) Tính độ dài mỗi đáy của hình thang

b) Kéo dài cạnh DA và CB cắt nhau tại E. Biết $AD = \frac{2}{3} DE$. Tính diện tích tam giác EAB

ĐỀ CHÍNH THỨC**BÀI KIỂM TRA THÁNG 01/2021****LỚP 5.4B****Chuyên đề: DIỆN TÍCH TAM GIÁC – HÌNH THANG****Môn : Toán – Thời gian : 60 phút****Họ và tên học sinh :**

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét của GV</u>

BÀI LÀM**Phần I (10 điểm) – Học sinh chỉ điền đáp số vào cột tương ứng.**

STT	ĐỀ BÀI	ĐÁP SỐ
1	Tính diện tích hình tam giác có độ dài đáy và chiều cao lần lượt là: 12,5m và 5,6m	
	Hình tam giác có diện tích 486 cm^2 , chiều cao 27cm. Tính độ dài đáy của hình tam giác đó.	
2	Tính diện tích hình thang có : Đáy lớn 1,9m; đáy bé 1,3m; chiều cao 0,9m.	
3	Một hình thang có trung bình cộng hai đáy là 8,3 dm. Chiều cao là 7,8 dm. Tính diện tích hình thang đó.	
4	Một khu vườn hình tam giác có diện tích 384 m^2 , đáy bằng 32m. Hỏi chiều cao của tam giác đó là bao nhiêu?	
5	Hình tam giác có độ dài đáy 15m, chiều cao bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đáy. Tính diện tích hình tam giác đó.	
6	Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn 120cm, đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn, chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ đáy bé. Tính diện tích thửa ruộng đó.	
7	Tính tổng hai đáy hình thang có diện tích $3,6\text{ dm}^2$; chiều cao 1,2dm.	
8	Một thửa đất hình tam giác có chiều cao là 10 m. Hỏi nếu kéo dài đáy thêm 4 m thì diện tích sẽ tăng thêm bao nhiêu m^2 ?	

